TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2024
V/v tranh chấp: "ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Bảo Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Năm.

2. Ông Võ Đức Huy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thanh Hằng – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2024/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "*Ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự

1.Nguyên đơn: Bà Lý Nguyễn Cẩm T, sinh năm 1995 (xin vắng).

Địa chỉ: số D Đ ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

2.Bị đơn: Ông Đặng Tuấn A, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Thường trú: A N, Phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tạm trú: số 4/101 Đ ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lý Nguyễn Cẩm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Tuấn A tự nguyện tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/4/2013. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, Khoảng 5 năm sau thì phát sinh mâu thuẫn do ông Đặng Tuấn A thay đổi tính tình, thường xuyên có quan hệ bên ngoài, ăn chơi, đánh đập vợ con nhiều lần. Đến tháng 3/2023, ông Tuấn A gây ra nợ lớn và thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm gia

đình. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông Tuấn A.

Về con chung: có 02 con chung tên Đặng Lý Bảo T1 sinh ngày 23/11/2017 và Đặng Lý Bảo T2 sinh ngày 11/5/2013, hiện đang sống chung với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi 02 con chung không yêu cầu ông Tuấn A cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông Đặng Tuấn A vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có bản tự khai. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục tống đạt niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Tuấn A biết Tòa án có thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Cẩm T nhưng ông Tuấn A không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc bà Cẩm T xin ly hôn.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng ông Tuấn A chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của ông theo thủ tục tố tụng, tuy nhiên việc xét xử vắng mặt ông Tuấn A không ảnh hưởng đến kết quả xét xử. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, ông Tuấn A không đến Tòa án để giải quyết vụ án cũng không có ý kiến, không quan tâm yêu cầu xin ly hôn của bà Cẩm T. Xét mâu thuẫn trầm trọng, nên bà T yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Về con chung: có 02 con chung tên Đặng Lý Bảo T1 sinh ngày 23/11/2017 và Đặng Lý Bảo T2 sinh ngày 11/5/2013, hiện đang sống chung với bà Cẩm T, bà yêu cầu nuôi 02 con chung, ông Tuấn A không tham gia phiên toà không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, con chung có ý kiến muốn sống cùng bà T nên giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi là có cơ sở. Về tài sản chung và nợ chung, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà L Nguyễn Cẩm T và ông Đặng Tuấn A kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/4/2013. Nay bà Cẩm T khởi kiện làm phát sinh quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Do ông Đặng Tuấn A hiện cư ngụ tại huyện T, tỉnh Long An nên khi bà Cẩm T có yêu cầu xin ly hôn thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không tiến hành hoà giải được do vắng mặt đương sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên toà, ông Đặng Tuấn A là bị đơn vắng mặt. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai tại nơi cư trú cho ông Tuấn A Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa nhưng ông Tuấn A vẫn

không đến tham gia phiên tòa. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An đưa ra xét xử vắng mặt ông Đặng Tuấn A là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, bà Lý Nguyễn Cẩm T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu của bà T, Hội đồng xét xử thấy:

[5.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà L Nguyễn Cẩm T và ông Đặng Tuấn A có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ khi có tranh chấp.

[5.2] Xét thấy, bà Lý Nguyễn Cẩm T và ông Đặng Tuấn A kết hôn đã lâu, ban đầu hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T trình bày là ông Tuấn A không lo làm ăn, không chăm sóc cho gia đình, có người phụ nữ khác bên ngoài và ăn chơi gây nợ, còn đánh đập vợ con. Tuy ông Tuấn A vắng mặt tại phiên toà và suốt quá trình tố tụng, không xác định nguyên nhân mâu thuẫn. Nhưng theo kết quả xác minh của Công an xã M, huyện T, tỉnh Long An thì ông Đặng Tuấn A có tạm trú tại địa chỉ: 4 Đ ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai tại nơi cư trú cho ông Tuấn A các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa nhưng ông Tuấn A không đến Tòa án tham gia tố tụng, không tham gia phiên hoà giải và phiên toà để giải quyết vụ án, không có ý kiến hay yêu cầu gì là thể hiện việc ông Tuấn A không quan tâm yêu cầu xin ly hôn của bà Cẩm T, không thiết tha hàn gắn tình cảm với bà Cẩm T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ tình cảm giữa bà Cẩm T và ông Tuấn A không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông Tuấn A là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5.3] Về con chung: có 02 con chung chưa thành niên tên Đặng Lý Bảo T1 sinh ngày 23/11/2017 và Đặng Lý Bảo T2 sinh ngày 11/5/2013, hiện đang sống chung với bà Cẩm T. Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi 02 con chung không yêu cầu ông Tuấn A cấp dưỡng. Thấy rằng, từ khi sinh ra cho đến nay, con chung sống cùng bà T và ông Tuấn A tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An, hiện 02 con chung vẫn do bà T trực tiếp chăm sóc. Ông Tuấn A không tham gia phiên toà không có văn bản ý kiến về yêu cầu nuôi con chung. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 18/11/2024 cháu Đặng Lý Bảo T2 và Đặng Lý Bảo T1 có nguyện vọng sống chung với mẹ, cho nên con chung tiếp tục sống cùng bà Cẩm T là đảm bảo sự phát triển ổn định về mặt tâm lý và điều kiện sinh hoạt học hành của con chung cũng như phù hợp nguyện vọng của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung Đặng Lý Bảo T2 và Đặng Lý Bảo T1 cho bà L Nguyễn Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đặng Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, ông Tuấn A có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được ngăn cản là phù hợp theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5.4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Lý Nguyễn Cẩm T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An là có cơ sở.

[7] Về án phí: bà Lý Nguyễn Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Các điều 147, 227, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Nguyễn Cẩm T.

Về hôn nhân: Cho bà Lý Nguyễn Cẩm T được ly hôn với ông Đặng Tuấn A.

Về con chung: có 02 con chung tên Đặng Lý Bảo T2 sinh ngày 11/5/2013 và Đặng Lý Bảo T1 sinh ngày 23/11/2017, chưa thành niên. Giao 02 con chung Đặng Lý Bảo T2 và Đặng Lý Bảo T1 cho bà L Nguyễn Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đặng Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: bà L Nguyễn Cẩm T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: bà Lý Nguyễn Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà Cẩm T đã nộp theo biên lai thu số 0009153 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An sang thi hành án phí. Bà Cẩm T không phải nộp thêm.

Án xét xử sơ thẩm công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hs, VT.

Hồ Bảo Trâm